

Câu	Phần	Nội dung	Điểm
1 (2.5 điểm)	1.1	<p>PA1: GBP - JPY - USD - GBP</p> <p>+ GBP - JPY AD tỷ giá mua: $x = 140.200.000 \text{ JPY}$</p> <p>+ JPY - USD AD tỷ giá bán: $y = 1.340.344 \text{ USD}$</p> <p>+ USD - GBP AD tỷ giá bán : $z = 987.362 \text{ GBP}$</p> <p>LỖ: 12.638 GBP</p>	<p>(0,25đ)</p> <p>(0,25đ)</p> <p>(0,25đ)</p> <p>(0,5đ)</p>
	1.2	<p>PA2: GBP - USD - JPY - GBP</p> <p>+ GBP - USD AD tỷ giá mua: $x = 1.356.000 \text{ USD}$</p> <p>+ USD - JPY AD tỷ giá mua: $y = 141.566.400 \text{ JPY}$</p> <p>+ JPY - GBP AD tỷ giá mua: $z = 1.009.026,4 \text{ GBP}$</p> <p>LỜI: 9.026,4 GBP</p> <p><i>Kết luận:</i> giữa PA1 và PA2 ta chọn PA2 là phương án có lợi nhuận nhất</p>	<p>(0,25đ)</p> <p>(0,25đ)</p> <p>(0,25đ)</p> <p>(0,25đ)</p> <p>(0,25đ)</p>
2 (3.0 điểm)		<p>1. Tính tỷ mua kỳ hạn 5 tháng GBP/USD:</p> $R_{f \text{ mua GBP/USD}} = 1,3720 + ((1,3720 * (5,5\% - 5\%) * 150)/360) = 1,3749$ $R_{f \text{ bán GBP/USD}} = 1,3770 + ((1,3770 * (6,5\% - 4\%) * 150)/360) = 1,3913$	<p>(0,5đ)</p> <p>(0,5đ)</p>
		<p>2. Nghiệp vụ SWAP của ngân hàng Việt Á:</p> <p>2.1. Tìm lượng USD của ngân hàng Việt Á bán ra: Ngân hàng Việt Á dùng một lượng USD tương ứng để mua 120.000GBP cho vay , áp dụng tỷ giá bán giao ngay 1,3770: $X = 120.000 * 1,3770 = 165.240 \text{ USD}$</p> <p>2.2. Ngân hàng bán kỳ hạn 5 tháng 120.000 GBP. Áp dụng tỷ giá mua kỳ hạn 1,3749</p> <p>Số USD thu về: $Y = 120.000 * 1,3749 = 164.988 \text{ USD}$</p> <p>Qua nghiệp vụ SWAP ngân hàng Việt Á lỗ : 252 USD</p>	<p>(0,75đ)</p> <p>(0,5đ)</p>

Câu	Phần	Nội dung	Điểm
		<p>3. Ngân hàng Việt Á cho khách hàng vay 120.000 GBP trong 5 tháng thu được lãi: $100.000 * 5\% * 5/12 = 2.500$ GBP</p> <p>Vậy kết quả kinh doanh của ngân hàng Việt Á lời : 2500GBP và lỗ 252 USD</p>	<p>(0,5đ)</p> <p>(0,25đ)</p>
3 (4.5 điểm)	3.1	<p>1. Thẻ ngân hàng có 2 loại: thẻ ATM và thẻ thanh toán</p>	(0,25đ)
		<p>2. Công dụng các loại thẻ:</p> <p>a. Thẻ ATM: là loại thẻ ghi nợ, giúp cho người chủ thẻ có thể sử dụng để nói chuyện với máy ATM và qua máy ATM, chủ thẻ có thể biết số dư tài khoản, rút tiền, đổi mã số PIN, chuyển khoản, nạp tiền vào tài khoản, thanh toán tiền dịch vụ, mua thẻ cào điện thoại.</p> <p>b. Thẻ thanh toán (Payment Card): là loại thẻ được dùng rút tiền mặt và thanh toán tiền hàng hoá dịch vụ tại các cơ sở chấp nhận thẻ. Thẻ thanh toán có thể là thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng, thẻ nội địa hoặc thẻ quốc tế.</p> <p>- Thẻ ghi nợ (Debit Card): loại thẻ phát hành dựa trên cơ sở tài khoản ký quỹ, tài khoản thẻ hay tài khoản tiền gửi không kỳ hạn, khi chủ thẻ sử dụng thì số dư của tài khoản sẽ giảm tức thời.</p> <p>- Thẻ tín dụng (Credit Card): là loại thẻ dùng thanh toán trước, trả tiền cho ngân hàng sau, nghĩa là dựa vào uy tín hoặc khả năng tài chính của chủ thẻ mà ngân hàng sẽ cấp cho chủ thẻ một hạn mức tín dụng nhất định cho phép chủ thẻ tiêu xài trong hạn mức ấy, sau đó theo từng định kỳ (<i>có thể cuối tháng</i>) ngân hàng sẽ gửi hoá đơn thanh toán cho chủ thẻ, chủ thẻ phải thanh toán lại cho ngân hàng số tiền tín dụng mà chủ thẻ đã sử dụng.</p> <p>- Thẻ quốc tế: là loại thẻ thanh toán của một tổ chức thẻ quốc tế được phát hành bởi một ngân hàng thành viên của tổ chức đó và được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới như: Master Card, Visa csrd, JCP card...</p>	<p>(0,5đ)</p> <p>(0,25đ)</p> <p>(0,25đ)</p> <p>(0,5đ)</p> <p>(0,25đ)</p>
	<p>3.2</p> <p>Thanh toán bằng AUD</p> <p>- Thanh toán tiền hàng nhập khẩu 79.560 FRF</p> <p>Tỷ giá AUD/FRF = 4,5740/4,5784 áp dụng tỷ giá mua:</p> <p>1 AUD → 4,5740 FRF x AUD ← 79560 FRF x = 79560/4,5740 = 17.394 Số tiền AUD cần trả: 17.394</p>	<p>(0,25đ)</p> <p>(0,5đ)</p>	

Câu	Phần	Nội dung	Điểm
		<p>- Trả nợ ngân hàng X 99.600 HKD</p> <p>Tỷ giá AUD/HKD = 5,7345/5,7409 áp dụng tỷ giá mua</p> <p>Số tiền AUD cần trả : 17.368,6</p>	(0,25đ)
		<p>- Trả nợ ngân hàng Y 908.000 JPY</p> <p>Tỷ giá AUD/JPY = 77.22/77.42 áp dụng tỷ giá mua</p> <p>Số tiền AUD cần trả: 11.758,6</p>	(0,25đ)
		<p>Số tiền AUD còn lại sau khi trả nợ công ty chuyển sang VND</p> <p>Số tiền AUD còn lại = 150.000 – (17.394 + 17.368,6 + 11.758,6) = 103.478,8</p> <p>Tỷ giá AUD/VND = 17.382/17.417</p> <p>Chuyển sang VND áp dụng tỷ giá mua</p> <p>Số tiền VND còn lại sau khi thanh toán 1.798.668.502VND</p>	(0,25đ)